

**CÔNG TY TNHH IN ẮN GOLDEN STAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH IN ẮN GOLDEN STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLDEN STAR PRINTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GOLDEN STAR PRINTING

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110207254

**3. Ngày thành lập:** 14/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô D10-2 Cụm sản xuất làng nghề Tân Triều, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0339811468

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa                                                           | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                         | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                          | 8230        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 8.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                           | 9511        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                          | 9512        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                        | 9521        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                 | 9522        |
| 12. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                               | 9524        |
| 13. | Quảng cáo                                                                                                                           | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                            | 7320        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Trang trí nội, ngoại thất<br>- Thiết kế tạo mẫu in                                 | 7410        |
| 16. | In ấn                                                                                                                               | 1811(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812 |
| 18. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                               | 1820 |
| 19. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                         | 4921 |
| 20. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                | 4922 |
| 21. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                               | 4929 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải hàng không và hoa tiêu)                                                          | 5229 |
| 27. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                | 8219 |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 30. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN KIM DUNG | Việt Nam  | Số 10, ngách 98 Ngõ Quan Thổ 3, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.500.000.000         | 50,000    | 013678743                                                                                               |         |
| 2   | NGUYỄN HÀ VY    | Việt Nam  | Số 10, ngách 98 Ngõ Quan Thổ 3, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.500.000.000         | 50,000    | 001304017849                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN KIM DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/10/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 013678743

Ngày cấp: 19/02/2014

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: *Số 10, ngách 98 Ngõ Quan Thổ 3, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Nhà 19 ngõ 46 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội